

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 07/TCPVN/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm.

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH TCPVN

Địa chỉ: Tầng 18, Tòa nhà Viettel Building, số 285, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 6285 6059

Fax:

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0314910190

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: ISO 22000:2018 số IND.20.4833/FM/U Phiên bản 01. Ngày cấp: 17/02/2020. Nơi cấp: Bureau Veritas Certification Vietnam

II. Thông tin về sản phẩm.

1. Tên sản phẩm: **THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC TĂNG LỰC WARRIOR VỊ NHO**

2. Thành phần: Nước, Đường mía, Chất tạo khí carbonic (Carbon dioxyd (INS 290)), Chất điều chỉnh độ axit (Acid citric (INS 330), Trinatri citrat (INS 331 (iii))), Taurine (3000 mg/L), Hương vị nho nhân tạo, Caffeine (240 mg/L), Chất bảo quản (Natri benzoate (INS 211)), Inositol (76 mg/L), Chất tạo ngọt nhân tạo (Sucralose (INS 955)), Vitamin B3 (21,2 mg/L), Chất tạo màu nhân tạo (Allura Red AC (INS 129), Brilliant Blue FCF (INS 133)), Vitamin B6 (3,12 mg/L), Vitamin B12 (3,53 mcg/L).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Xem NSX và HSD ở đáy lon

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Thê tích thực : 325 ml/lon

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong lon bằng nhôm. Bao bì đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Xuất xứ: Việt Nam

- Nhà sản xuất: Công ty TNHH Red Bull (Việt Nam)

- Địa chỉ: Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Thắng, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (xem mẫu nhãn sản phẩm đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

1.1 Chỉ tiêu kim loại nặng

STT	Chỉ Tiêu	Đơn Vị	Giới Hạn Tối Đa
1	Chì	mg/l	0,05
2	Thiếc	mg/l	150

1.2 Chỉ tiêu vi sinh vật

STT	Chỉ Tiêu	Đơn Vị	Giới Hạn Tối Đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	100

2	Coliform	CFU/ml	10
3	Escherichia coli	CFU/ml	Không được có
4	Streptococci faecal	CFU/ml	Không được có
5	Pseudomonas aeruginosa	CFU/ml	Không được có
6	Staphylococcus aureus	CFU/ml	Không được có
7	Clostridium perfringens	CFU/ml	Không được có
8	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/ml	10

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN 

(Ký tên, đóng dấu)



NGUYỄN THANH HUÂN

Giám đốc điều hành



180 mm
174 mm



141 mm

134.5 mm

202
Sleek 330 ml

(for this size)



THỰC PHẨM BỔ SUNG WARRIOR NƯỚC TĂNG LỰC WARRIOR VỊ NHÔ

THÀNH PHẦN TRONG 325 ml: Nước, Đường mía, Chất tạo khí carbonic (Carbon dioxide (INS 290)), Chất điều chỉnh độ axit (acid citric (INS 330), fumaric acid (INS 331 (iii))), Lactone (3000 mg/L), Hương vị nhô nhân tạo, Caffeine (240 mg/L), Chất bảo quản (sorbic acid (INS 211)), Inositol (76 mg/L), Chất tạo ngọt nhân tạo (sucralose (INS 955)), Vitamin B3 (2,2 mg/L), Chất tạo màu nhân tạo (Allura Red AC (INS 129), Brilliant Blue FCF (INS 133)), Vitamin B6 (3,12 mg/L), Vitamin B12 (3,53 mg/L), NSX và HSD: xem ở đây.

Hướng dẫn: Uống trực tiếp, ngon hơn khi uống lạnh. Bảo quản nơi khô mát. Không phù hợp với người bệnh tiểu đường, phụ nữ có thai hoặc người nhạy cảm với caffeine.

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG

	Cho một lon 325 ml	% RNI*
Năng lượng:	210 kcal	
Tổng chất béo:	0 g	
Protein:	≤ 215 mg	
Tổng Carbohydrate:	52 g	
Tổng đường:	51 g	
Chất đạm:	< 1 g	
Niacin (Vitamin B3)	≥ 6,89 mg	≥ 43,1%
Vitamin B6	≥ 1,01 mg	≥ 78%
Vitamin B12	≥ 1,15 mg	≥ 47,7%

* RNI: Nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày cho người trưởng thành, theo bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam.

Nhà sản xuất:

CÔNG TY TNHH Red Bull (Việt Nam)
Xã Lộ Hà Nội, Phường Bình Thắng,
Thành Phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

tp
Under licensed from
TC Pharmaceutical Industries Co., Ltd.

Thương nhân chịu trách nhiệm sản phẩm:

CÔNG TY TNHH TCPVN,
Tầng 18, Tòa nhà Viettel,
285 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12,
Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Sản xuất tại Việt Nam.

Thể tích thực:

325ml



Chăm sóc khách hàng: 1900969674



10.5 fl.oz.





141 mm

134.5 mm



THỰC PHẨM BỔ SUNG
WARRIOR NƯỚC TĂNG LỰC WARRIOR VỊ NHHO

THÀNH PHẦN TRONG 325 ml: Nước, Đường mía, Chất tạo khí carbonic (Carbon dioxide (INS 290)), Chất điều chỉnh độ axit (Acid citric (INS 330), Trisat citrat (INS 331 (iii))), Taurine (3000 mg/L), Hương vị nhò nhân tạo, Caffeine (240 mg/L), Chất bảo quản (Natri benzoate (INS 211)), Inositol (76 mg/L), Chất tạo ngọt nhân tạo (Sucralose (INS 955)), Vitamin B3 (271.2 mg/L), Chất tạo màu nhân tạo (Allura Red AC (INS 129), Brilliant Blue FCF (INS 133)), Vitamin B6 (3.12 mg/L), Vitamin B12 (3.53 mg/L), NSX và HSD: xem ở đây lon.

Hướng dẫn: Uống trực tiếp, ngon hơn khi uống lạnh. Bảo quản nơi khô mát. Không phù hợp với người bệnh tiểu đường, phụ nữ có thai hoặc người nhạy cảm với caffeine.

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG		Cho một lon 325 ml
		% RNI*
Năng lượng:	210 kcal	
Tổng chất béo:	0 g	
Natri:	≤ 215 mg	
Tổng Carbohydrate:	52 g	
Tổng đường:	51 g	
Chất đạm:	< 1 g	
Niacin (Vitamin B3)	≥ 6,89 mg	≥ 43,1%
Vitamin B6	≥ 1,01 mg	≥ 78%
Vitamin B12	≥ 1,15 mcg	≥ 47,7%

*RNI: Nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày cho người lớn, theo bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam.

Nhà sản xuất:

CÔNG TY TNHH Red Bull (Việt Nam)
Xã lộ Hà Nội, Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương.

Thể tích thực:

325ml

t.p Under licensed from
T.C Pharmaceutical Industries Co., Ltd.

Thương nhân chịu trách nhiệm sản phẩm:

CÔNG TY TNHH TCPVN.

Tầng 18, Tòa nhà Viettel,

285 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12,

Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.



Chăm sóc khách hàng: 1900969674



(for this size)

202
Sleek 330 ml



KT3-01768ATP3/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/03/2023
Page 01/05

1. Tên mẫu
Name of sample : **THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC TĂNG LỰC WARRIOR VỊ NHÔ**
SUPPLEMENTED FOOD: WARRIOR GRAPE FLAVORED ENERGY DRINK (325 ML)
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 21/03/2023
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 22/03/2023 - 30/03/2023
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH TCPVN**
Tầng 18, Tòa nhà Viettel Building, số 285, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường 12, Quận 10, TPHCM
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / See page 02-05/05

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



KT3-01768ATP3/1-1

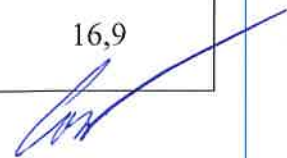
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/03/2023
 Page 02/05



7. Kết quả thử nghiệm :
 Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng đường tổng theo sacaroza, g/100 mL Total sugar content as sucrose	QTTN/KT3 178 : 2017 (Ref: TCVN 4594 : 1988)		-	15,8
7.2. Năng lượng/ Calories • kcal/100 mL • kJ/100 mL	QTTN/KT3 024:2018		-	69 289
7.3. Hàm lượng protein, g/100 mL Protein content	QTTN/KT3 140 : 2016 Kjeldahl method		-	0,27
7.4. Hàm lượng natri, mg/100 mL Sodium content	QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC 969.23)	-		52,4
7.5. Hàm lượng béo, g/100 mL Fat content	QTTN/KT3 139:2016 (Có thủy phân)		0,1	Không phát hiện Not detected
7.6. Hàm lượng vitamin B3 (nicotinamide), mg/100 mL Vitamin B3 content	QTTN/KT3 036:2016	-		3,14
7.7. Hàm lượng vitamin B12 (Cyanocobalamine), µg/100 mL Vitamin B12 content	QTTN/KT3 160:2017 (LC-MS/MS)	-		0,45
7.8. Hàm lượng carbohydrate, g/100 mL Carbohydrate content	QTTN/KT3 317:2022		-	16,9



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-01768ATP3/1-1

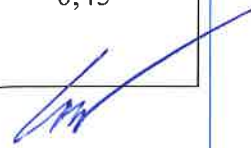
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/03/2023
 Page 03/05



7. Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Limit of Detection	Phạm vi đo/ <i>Range of measurement (≥)</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.9. Tỷ trọng tương đối ở 20/20°C <i>Relative density at 20/20 °C</i>	QTTN/KT3 191:2018		-	1,064
7.10. pH	TCVN 12348:2018		-	3,59
7.11. Hàm lượng taurine, mg/100 mL <i>Taurine content</i>	QTTN/KT3 220:2018 (Ref: TCVN 8476:2010)	-		319
7.12. Hàm lượng inositol, mg/100 mL <i>Inositol content</i>	QTTN/KT3 096:2017	-		8,47
7.13. Hàm lượng cafein, mg/L <i>Caffeine content</i>	TCVN 8471:2010	-		235
7.14. Hàm lượng thủy ngân, mg/L <i>Mercury content</i>	QTTN/KT3 064 : 2016 (Ref: AOAC 971.21)	1,50 x 10 ⁻²		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.15. Hàm lượng chì, mg/L <i>Lead content</i>	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC (999.11))	1,80 x 10 ⁻²		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.16. Hàm lượng cadimi, mg/L <i>Cadmium content</i>	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC (999.11))	1,80 x 10 ⁻²		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.17. Hàm lượng vitamin B6 (pyridoxine hydrochloride), mg/100 mL <i>Vitamin B6 content</i>	QTTN/KT3 037 : 2016 (HPLC/FD)	-		0,45



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-01768ATP3/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



30/03/2023
 Page 04/05

7. Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Limit of Detection	Phạm vi đo/ <i>Range of measurement</i> (≥)	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.18. Hàm lượng Azoxystrobin, <i>Azoxystrobin content</i> mg/L	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.19. Hàm lượng Difenoconazole, <i>Difenoconazole content</i> mg/L	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.20. Hàm lượng benzoate qui ra natri benzoate, <i>Benzoate content as sodium benzoate</i> mg/L	EN 12856 : 1999	-		178
7.21. Hàm lượng sucralose, <i>Sucralose content</i> mg/L	TCVN 12381:2018	-		61,3
7.22. Tổng số nấm men & nấm mốc, <i>Total yeasts & moulds</i> CFU/mL	ISO 21527-1:2008	-		Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.23. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, <i>Total aerobic plate count</i> CFU/mL	ISO 4833-1:2013, AMD 1:2022	-		Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.24. Coliform, CFU/mL	ISO 4832 : 2006	-		Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.25. <i>E. Coli</i> , CFU/mL	ISO 16649 – 2 : 2001	-		Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.26. Enterococci, <i>Streptococci faecal</i> CFU/mL	ISO 7899-2:2000	-		Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>
7.27. <i>Pseudomonas aeruginosa</i> , CFU/mL	ISO 16266 : 2006	-		Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-01768ATP3/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/03/2023
Page 05/05



7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.28. <i>Staphylococcus aureus</i> , CFU/mL	AOAC 2019 (975.55)	-		Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.29. <i>Clostridium perfringens</i> , CFU/mL	ISO 7937 : 2004	-		Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than

Ghi chú/Notes: Hàm lượng protein/ Protein content = 6,25 x Hàm lượng nitơ/ Nitrogen content

(*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.

QUATEST 3®

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-01768ATP3/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/03/2023
 Page 01/01

- Tên mẫu
Name of sample : **THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC TĂNG LỰC WARRIOR VỊ NHÔ**
SUPPLEMENTED FOOD: WARRIOR GRAPE FLAVORED ENERGY DRINK (325 ML)
- Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
 Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 21/03/2023
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 22/03/2023 - 30/03/2023
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH TCPVN**
Tầng 18, Tòa nhà Viettel Building, số 285, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường 12, Quận 10, TP HCM
- Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Hàm lượng allura red, <i>Allura red content</i>	mg/L QTTN/KT3 229 : 2018	-	14,7

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.

Ngô Quốc Việt

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-01768ATP3/1-3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/03/2023

Page 01/01

1. Tên mẫu
Name of sample : THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC TĂNG LỰC WARRIOR VỊ NHÔ
SUPPLEMENTED FOOD: WARRIOR GRAPE FLAVORED ENERGY DRINK (325 ML)
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 21/03/2023
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 22/03/2023 - 30/03/2023
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH TCPVN
Tầng 18, Tòa nhà Viettel Building, số 285, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường 12, Quận 10, TPHCM
7. Kết quả thử nghiệm
Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng Brilliant blue, mg/L Brilliant blue content	QTTN/KT3 229 : 2018	-	3,89

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.

Ngô Quốc Việt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 12/TCPVN/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm.

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH TCPVN

Địa chỉ: Tầng 18, Tòa nhà Viettel Building, số 285, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 6285 6059

Fax:

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0314910190

Giấy chứng nhận ISO 9001:2015 số 2104290840101, ngày cấp: 29 tháng 4 năm 2021, nơi cấp: CÔNG TY TNHH CHỨNG NHẬN FRENCHCERT

II. Thông tin về sản phẩm.

1. Tên sản phẩm: THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC TĂNG LỰC WARRIOR VỊ DẦU

2. Thành phần: Nước, đường mía, chất tạo khí carbonic (Carbon dioxyd (INS 290)), Taurine (3000 mg/L), chất điều chỉnh độ axit (Acid citric (INS 330), Trinitrat citrat (INS 331(iii))), hương vị giống dầu tự nhiên, caffeine (240 mg/L), chất bảo quản (Natri benzoat (INS 211)), chất tạo màu nhân tạo (Allura Red AC (INS 129)), chất tạo ngọt nhân tạo (Sucralose (INS 955)), Inositol (76 mg/L), Vitamin B3 (21,2 mg/L), Vitamin B6 (3,12 mg/L), Vitamin B12 (3,53 mcg/L).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Thê tích thực: 325 ml/lon
- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong lon nhôm, bên trong có phủ lớp epoxy resin. Bao bì đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Xuất xứ: Việt Nam
- Nhà sản xuất: CÔNG TY TNHH SX VÀ TM TÂN QUANG MINH
- Địa chỉ: Lô C21/1, đường 2F, khu CN Vinh Lộc A, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (xem mẫu nhãn sản phẩm đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, áp dụng cho Thực phẩm bổ sung không có nguồn gốc từ rong biển khô hoặc sản phẩm từ rong biển:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Thủy ngân (Hg)	mg/L	0,1
2	Cadmium (Cd)	mg/L	1

3	Chì (Pb)	mg/L	0,05
---	----------	------	------

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: *QCVN 6-2:2010/BYT* đối với các sản phẩm đồ uống không cồn, áp dụng các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	Chỉ Tiêu	Đơn Vị	Giới Hạn Tối Đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	100
2	<i>Coliform</i>	CFU/ml	10
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/ml	Không được có
4	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/ml	Không được có
5	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/ml	Không được có
6	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/ml	Không được có
7	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	Không được có
8	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/ml	10

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



NGUYỄN THANH HUÂN *KL*

Giám đốc điều hành



141 mm

134.5 mm



NƯỚC TĂNG LỰC



ENERGY DRINK

VÌ DẦU

VITAMIN B3, B6, B12

STRAW BERRY

VITAMIN B3, B6, B12

THỰC PHẨM BỔ SUNG
WARRIOR NƯỚC TĂNG LỰC WARRIOR VÌ DẦU

THÀNH PHẦN: Nước, Đường mía, Chất tạo khí carbonic (Carbon dioxide) (NNS 290), Taurine (3000 mg/L), Chất điều chỉnh độ axit (Acid citric) (NNS 330), Inulin chiết (NNS 331 (m)), Hương vị giống dầu tự nhiên, Caffeine (240 mg/L), Chất bảo quản (Sorbic acid) (NNS 211), Chất tạo màu nhân tạo (Allura Red AC) (NNS 129), Chất tạo ngọt nhân tạo (Sucralose) (NNS 953), Inositol (76 mg/L), Vitamin B3 (21.2 mg/L), Vitamin B6 (3.12 mg/L), Vitamin B12 (3.53 mg/L).

NSX và HSD: xem ở đáy lon.

Hướng dẫn: Uống trực tiếp, ngon hơn khi uống lạnh. Bảo quản nơi khô mát. Không phù hợp với người bệnh tiểu đường, phụ nữ có thai hoặc người nhạy cảm với caffeine.

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG

Cho một lon 325 ml

		% RNI*
Năng lượng:	210 kcal	
Tổng chất béo:	0g	
Natri:	≤ 215 mg	
Tổng Carbohydrate:	52 g	
Tổng đường:	51 g	
Chất đạm:	< 1g	
Niacin (Vitamin B3)	≥ 6,89 mg	≥ 43,1%
Vitamin B6	≥ 1,01 mg	≥ 78%
Vitamin B12	≥ 1,15 mcg	≥ 47,7%

* RNI: Nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày cho người trưởng thành, theo bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam.

Nhà sản xuất:

CÔNG TY TNHH SX VÀ TM TÂN QUANG MINH,
Lô C21/1, Đường 2E, Khu CN Vĩnh Lộc A,
Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Sân xuất tại Việt Nam.

Thể tích thực: 325 ml

Thương nhân chịu trách nhiệm sản phẩm:

CÔNG TY TNHH TCPVN,
Tầng 18, Tòa nhà Viettel Building,
285 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12,
Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Một sản phẩm chất lượng của
Tập đoàn TCP Thái Lan.



Liên hệ khách hàng: 1900969674



202
Sleek 330 ml

(for this size)





Số/Nº : /VYTCC

0 2 6 0 1 0



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Sample code: 31220.23



Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY TNHH TCPVN / TCPVN COMPANY LIMITED
Địa chỉ/ Address : TẦNG 10 VÀ 18, TÒA NHÀ VIETTEL, SỐ 285, ĐƯỜNG CÁCH MẠNG
THÁNG TÁM, PHƯỜNG 12, QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH,
VIỆT NAM / 10TH AND 18TH FLOOR, VIETTEL BUILDING, No. 285,
CACH MANG THANG TAM STREET, WARD 12, DISTRICT 10, HO CHI
MINH CITY, VIET NAM
Tên mẫu/ Sample : THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC TĂNG LỰC WARRIOR VỊ DÂU /
SUPPLEMENTED FOOD: WARRIOR STRAWBERRY FLAVORED
ENERGY DRINK
Ngày lấy mẫu/ Taking sample date : 17/011/2023
Lượng mẫu/ Quantity of sample : 03 lon/cans x 325 ml
Ngày nhận mẫu/ Receiving sample date : 17/011/2023
Người gửi mẫu/ Sender : Cao Văn Thuận / Thuan Cao Van
Người nhận mẫu/ Recipient : Nguyễn Thị Ngọc Bông / Bong Nguyen Thi Ngoc
Thời gian lưu mẫu / Storing period of sample: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả / 05 days from the
date of issue

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM / TEST RESULT

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item(s)	Phương pháp Method	Kết quả Result(s)	Ngày kiểm nghiệm Testing date
1	Đường tổng Total sugar	TCVN 4074 - 2009 (b)	14.86 g/100 ml	22/11/2023
2	Năng lượng Energy	HD.PP.11-1/TT.LH (Regulation (EU) No 1169/2011)	68.55 kcal/100 ml	23/11/2023
3	pH	AOAC 981.12 (b)	3.58	22/11/2023
4	Tỷ trọng Density	HD.PP.92/TT.LH:2018 (Ref. AOAC 920.134) (a)	1.062 g/ml	17/11/2023
5	Carbohydrate	Ref. AOAC 986.25	16.86 g/100 ml	23/11/2023
6	Protein	HD.PP.13/TT.LH:2016 (Ref. AOAC 991.20) (b)	0.28 g/100 ml (Nx6.25)	17/11/2023
7	Cadmi (Cd) Cadmium	HD.PP.16/TT.AAS:2023 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.01 mg/l	27/11/2023
8	Natri (Na) Sodium	HD.PP.37.1/TT.AAS:2023 (a)	647.7 mg/l	25/11/2023

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item(s)	Phương pháp Method	Kết quả Result(s)	Ngày kiểm nghiệm Testing date
9	Chì (Pb) Lead	HD.PP.16/TT.AAS:2023 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.01 mg/l	27/11/2023
10	Natri Benzoat (INS 211) (Tính theo Acid Benzoic) Sodium Benzoat (INS 211) (calculated to Benzoic Acid)	HD.PP.01/TT.SK:2017 (Ref. BSEN 12856; EUR 22727 EN) (b)	150.92 mg/l	21/11/2023
11	Sucralose	HD.PP.01/TT.SK:2017 (Ref. BSEN 12856; EUR 22727 EN) (b)	< 105 mg/l	21/11/2023
12	Vitamin B ₃ (Nicotinamide)	HD.PP.23/TT.SK (b)	24.64 mg/l	23/11/2023
13	Vitamin B ₆ (Pyridoxine)	HD.PP.23/TT.SK	3.50 mg/l	23/11/2023
14	Azoxystrobin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện Not detected LOD = 0.003 mg/l	24/11/2023

Ghi chú/ Notice :

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm. / This test report is valid for the tested sample only.
- Mẫu đựng trong lon kim loại nguyên nhãn sản phẩm. Trên bao bì có in thông tin: NSX: 081123 - HSD: 081124 3K08B2 / Sample is contained in a metal can, with the manufacturer's original packaging. Printed on packaging: MFG: 081123 - EXP: 081124 3K08B2.
- Quá thời hạn lưu mẫu. VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm / The Institute of Public Health will not be responsible for any complaints after the storing period of sample being expired.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 / The testing is accredited comply with the international standard ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT / The testing is accredited comply with the international standard ISO/IEC 17025:2017 and is appointed by The Ministry of Health according to Circular No. 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Ho Chi Minh City...**2.8.-11-.2023**....

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN
ON BEHALF OF THE DIRECTOR
DIRECTOR OF THE SOUTHERN REGIONAL
TESTING CENTER FOR FOOD SAFETY

**Ts. Nguyễn Đức Thịnh**



Số/N^o : 026012/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Sample code: 31222.23



Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY TNHH TCPVN / TCPVN COMPANY LIMITED
Địa chỉ/ Address : TẦNG 10 VÀ 18, TÒA NHÀ VIETTEL, SỐ 285, ĐƯỜNG CÁCH MẠNG
THÁNG TÁM, PHƯỜNG 12, QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH,
VIỆT NAM / 10TH AND 18TH FLOOR, VIETTEL BUILDING, NO. 285,
CACH MANG THANG TAM STREET, WARD 12, DISTRICT 10, HO CHI
MINH CITY, VIETNAM
Tên mẫu/ Sample : THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC TĂNG LỰC WARRIOR VỊ DÂU /
SUPPLEMENTED FOOD: WARRIOR STRAWBERRY FLAVORED
ENERGY DRINK
Ngày lấy mẫu/ Taking sample date : 17/11/2023
Lượng mẫu/ Quantity of sample : 01 lon/can x 325 ml
Ngày nhận mẫu/ Receiving sample date : 17/11/2023
Người gửi mẫu/ Sender : Cao Văn Thuần / Thuan Cao Van
Người nhận mẫu/ Recipient : Nguyễn Thị Ngọc Bông / Bong Nguyen Thi Ngoc

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM / TEST RESULT

Stt N ^o	Chỉ tiêu Test Item(s)	Phương pháp Method	Kết quả Result(s)	Ngày kiểm nghiệm Testing date
1	Thủy ngân (Hg) Mercury (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.01 mg/l	27/11/2023

Ghi chú/ Notice :

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm. / This test report is valid for the tested sample only.
- Mẫu đựng trong lon kim loại nguyên nhãn sản phẩm. Trên bao bì có in thông tin: NSX: 081123 - HSD: 081124 3K08B2 / Sample is contained in a metal can, with the manufacturer's original packaging. Printed on packaging: MFG: 081123 - EXP: 081124 3K08B2.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT / The testing is accredited comply with the international standard ISO/IEC 17025:2017 and is appointed by The Ministry of Health according to Circular No. 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Ho Chi Minh City.....28-11-2023

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN
ON BEHALF OF THE DIRECTOR
DIRECTOR OF THE SOUTHERN REGIONAL
TESTING CENTER FOR FOOD SAFETY



★Ts. Nguyễn Đức Thịnh



Số/Nº: /VYTCC



026011

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Sample code: 31221.23



Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY TNHH TCPVN / TCPVN COMPANY LIMITED
Địa chỉ/ Address : TẦNG 10 VÀ 18, TÒA NHÀ VIETTEL, SỐ 285, ĐƯỜNG CÁCH MẠNG
THÁNG TÁM, PHƯỜNG 12, QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH,
VIỆT NAM / 10TH AND 18TH FLOOR, VIETTEL BUILDING, NO. 285,
CACH MANG THANG TAM STREET, WARD 12, DISTRICT 10, HO CHI
MINH CITY, VIETNAM
Tên mẫu/ Sample : THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC TĂNG LỰC WARRIOR VỊ DÂU /
SUPPLEMENTED FOOD: WARRIOR STRAWBERRY FLAVORED
ENERGY DRINK
Ngày lấy mẫu/ Taking sample date : 17/11/2023
Lượng mẫu/ Quantity of sample : 01 lon/can x 325 ml
Ngày nhận mẫu/ Receiving sample date : 17/11/2023
Người gửi mẫu/ Sender : Cao Văn Thuần / Thuan Cao Van
Người nhận mẫu/ Recipient : Nguyễn Thị Ngọc Bông / Bong Nguyen Thi Ngoc

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM / TEST RESULT

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item(s)	Phương pháp Method	Kết quả Result(s)	Ngày kiểm nghiệm Testing date
1	Allura Red AC	HD.PP.26/TT.SK:2022 (a)	74.55 mg/l	21/11/2023

Ghi chú/ Notice :

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm. / This test report is valid for the tested sample only.
- Mẫu đựng trong lon kim loại nguyên nhãn sản phẩm. Trên bao bì có in thông tin: NSX: 081123 - HSD: 081124 3K08B2 /
Sample is contained in a metal can, with the manufacturer's original packaging. Printed on packaging: MFG: 081123 -
EXP: 081124 3K08B2.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 / The testing is accredited comply with the international
standard ISO/IEC 17025:2017.

Ho Chi Minh City.....2.8.-11.-2023.

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN
ON BEHALF OF THE DIRECTOR
DIRECTOR OF THE SOUTHERN REGIONAL
TESTING CENTER FOR FOOD SAFETY

